

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
*đã được kiểm toán*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 27</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 27

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang, trước đây là Công ty TNHH Công nghiệp Tung Kuang - một doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 472033000244 lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1995, Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 01 đến lần 04 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **243.799.460.0000 đồng**.

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 1995.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm, lá nhôm, lưới nhôm, dây nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm;
- Sản xuất các phụ kiện để phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm (gioăng cao su, bánh xe trượt bằng nhựa, tay nắm khóa, bản lề cửa);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (gậy nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục đa năng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác);
- Xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện);
- Sản xuất nhôm tấm và nhôm phức hợp dùng trong lĩnh vực xây dựng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Công ty có các Chi nhánh hạch toán độc lập như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Hải Dương;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Đà Nẵng.

Công ty có một Công ty con là Công ty TNHH Tung Yang, đặt trụ sở tại tỉnh Hải Dương, với tỷ lệ vốn chiếm 80%.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc** (tiếp theo)

---

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Liu Cheng Min	Chủ tịch
Ông Ma Chia Lung	Phó Chủ tịch
Ông Hsu Wen Chuan	Ủy viên
Ông Chan Chun Shung	Ủy viên
Ông Tsan Hsun Lin	Ủy viên
Ông Jan Chun Shion	Ủy viên
Ông Liu Chien Hung	Ủy viên
Ông Liu Chien Lin	Ủy viên
Ông Liu Chen Chin	Ủy viên

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tsan Hsun Lin	Tổng Giám đốc
Ông Hsu Chih Cheng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Liu Chien Hung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Liu Chien Lin	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc** (tiếp theo)

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

*Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2011*  
**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Tsan Hsun Lin**

Số : 85/2011/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang được lập ngày 10 tháng 3 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng : Trong năm tài chính 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Hải Dương đã bị đình chỉ hoạt động sản xuất phát sinh nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 4 năm 2010 đến ngày 16 tháng 9 năm 2010 theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến một khoản tiền phạt do việc vi phạm trên. Do không thể có được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của khoản tiền bị phạt có thể phát sinh trong tương lai nên chưa có bất kỳ một khoản dự phòng nào được ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2010 cho sự kiện trên. Điều này tiềm ẩn một khoản chi phí có thể được ghi nhận trong tương lai (chưa ước tính được) và sẽ ảnh hưởng đến số liệu tài chính trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011*

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**  
**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Vương**  
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>439.603.815.696</b>	<b>433.798.046.970</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>77.220.238.491</b>	<b>92.234.044.671</b>
1.	Tiền	111	V.01	33.111.905.157	50.234.044.671
2.	Các khoản tương đương tiền	112		44.108.333.334	42.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.306.809.427</b>	<b>195.513.099.779</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		122.120.007.047	159.102.896.917
2.	Trả trước cho người bán	132		16.120.070.916	31.315.459.134
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	6.193.104.715	5.221.116.979
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(126.373.251)	(126.373.251)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>206.266.237.424</b>	<b>133.423.450.843</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	206.266.237.424	133.423.450.843
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.810.530.354</b>	<b>12.627.451.677</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.121.716.100	10.475.389.243
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		713.103.175	1.764.205.490
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	1.295.282.457	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		680.428.622	387.856.944

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>220.446.170.333</b>	<b>253.367.012.110</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>211.343.909.809</b>	<b>239.108.009.798</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	211.312.215.574	239.039.188.883
	- Nguyên giá	222		480.988.720.529	469.583.928.542
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(269.676.504.955)	(230.544.739.659)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	31.694.235	68.820.915
	- Nguyên giá	228		182.279.299	182.279.299
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(150.585.064)	(113.458.384)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.07</b>	-	<b>102.400.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	102.400.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.102.260.524</b>	<b>14.156.602.312</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	9.102.260.524	14.156.602.312
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>660.049.986.029</b>	<b>687.165.059.080</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>373.086.771.571</b>	<b>388.001.469.482</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>365.321.906.263</b>	<b>382.467.008.095</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	272.176.205.456	276.141.053.729
2.	Phải trả người bán	312		47.799.931.658	71.075.003.698
3.	Người mua trả tiền trước	313		2.690.763.529	13.901.361.047
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	4.440.728.497	10.436.777.309
5.	Phải trả người lao động	315		3.864.203.842	4.121.483.335
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	2.177.300.641	819.884.269
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	26.146.691.351	3.661.933.314
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.026.081.289	2.309.511.394
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.764.865.308</b>	<b>5.534.461.387</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.769.947.602	5.512.258.507
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		80.567.346	22.202.880
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		5.914.350.360	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>286.522.149.762</b>	<b>298.104.377.600</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>286.522.149.762</b>	<b>298.104.377.600</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		243.799.460.000	212.000.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		15.908.605.064	8.580.104.274
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.783.883.110	2.119.632.715
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.783.883.110	2.119.632.715
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.246.318.478	73.285.007.896
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.16</b>	<b>441.064.696</b>	<b>1.059.211.998</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>660.049.986.029</b>	<b>687.165.059.080</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

---

## **CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>STT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		6.051.260.717	1.362.092.659
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		16.566	25.672
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		442.100.000	442.100.000
5.	Ngoại tệ các loại + USD		71.619	103.331
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**Kế toán trưởng**

**Liu Chien Hung**

*Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2011*

**Tổng Giám đốc**

**Tsan Hsun Lin**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2010**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.01	<b>732.438.485.203</b>	<b>827.370.133.563</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.02	157.066.616	724.562.943
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.03	<b>732.281.418.587</b>	<b>826.645.570.620</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	624.692.898.239	669.742.223.090
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>107.588.520.348</b>	<b>156.903.347.530</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	6.510.015.190	5.026.572.032
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	35.319.092.986	40.346.958.822
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.561.835.868</i>	<i>13.698.698.930</i>
8. Chi phí bán hàng	24		7.082.952.818	8.886.905.756
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.718.950.739	33.402.358.137
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>35.977.538.995</b>	<b>79.293.696.847</b>
11. Thu nhập khác	31		5.906.737.236	6.594.229.187
12. Chi phí khác	32		22.544.514.799	3.526.187.684
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(16.637.777.563)</b>	<b>3.068.041.503</b>
<b>14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>19.339.761.432</b>	<b>82.361.738.350</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	6.675.886.177	8.130.562.145
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>12.663.875.255</b>	<b>74.231.176.205</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(618.147.302)	373.255.708
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		13.282.022.557	73.857.920.497
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.14</b>	<b>545</b>	<b>3.484</b>

Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Liu Chien Hung

Tsan Hsun Lin

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>19.339.761.432</b>	<b>82.361.738.350</b>
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		39.328.395.747	38.308.391.056
-	Các khoản dự phòng	03		-	(7.310.502.496)
-	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.225.300.016)	7.701.952.678
-	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.686.734.758)	(2.568.696.577)
-	Chi phí lãi vay	06		12.561.835.868	13.698.698.930
3.	<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>66.317.958.273</b>	<b>132.191.581.941</b>
-	Tăng giảm các khoản phải thu	09		57.066.811.442	(69.321.755.271)
-	Tăng giảm hàng tồn kho	10		(72.842.786.581)	48.103.774.908
-	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(33.317.667.802)	(5.177.624.500)
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		6.408.014.931	(9.721.092.388)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(10.869.708.099)	(13.833.034.808)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.268.183.680)	(2.089.874.217)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.638.700.000	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(330.528.111)	(1.366.954.340)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>3.802.610.373</b>	<b>78.785.021.325</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.721.068.719)	(20.423.563.704)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		90.909.091	327.221.153
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		102.400.000	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.686.734.758	2.471.842.152
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(7.841.024.870)</b>	<b>(17.624.500.399)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		588.918.177.066	567.443.063.797
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(596.625.336.244)	(576.866.789.597)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.227.598.000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.934.757.178)</b>	<b>(9.423.725.800)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(14.973.171.675)</b>	<b>51.736.795.126</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		92.234.044.671	<b>40.301.815.871</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(40.634.505)	195.433.674
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>77.220.238.491</b>	<b>92.234.044.671</b>

Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Liu Chien Hung

Tsan Hsun Lin

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** **Năm 2010**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm, lá nhôm, lưới nhôm, dây nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm;
- Sản xuất các phụ kiện để phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm (gioăng cao su, bánh xe trượt bằng nhựa, tay nắm khóa, bản lề cửa);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (gậy nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục đa năng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác);
- Xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện);
- Sản xuất nhôm tấm và nhôm phức hợp dùng trong lĩnh vực xây dựng.

#### **04. Các Chi nhánh hạch toán độc lập và phụ thuộc của Công ty**

Các Chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Hải Dương;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Đà Nẵng.

#### **05. Đặc điểm hoạt động của công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang Hải Dương ngừng hoạt động sản xuất từ ngày 21 tháng 4 năm 2010 đến ngày 16 tháng 9 năm 2010, theo Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc đình chỉ hoạt động sản xuất phát sinh nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của chi nhánh, và theo Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc cho phép chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang Hải Dương hoạt động sản xuất trở lại. Việc ngừng hoạt động sản xuất đã làm cho sản lượng sản xuất cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh giảm mạnh so với các năm trước, cụ thể là năm 2010 doanh thu của chi nhánh chỉ đạt **220.467.326.604 đồng**, và lỗ tới **31.015.401.108 đồng**. Điều này cũng ảnh hưởng tương tự đến Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**06. Thông tin về Công ty con**

Tên và địa chỉ Công ty con	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2010			
		Giá trị vốn của Công ty con VND	Giá trị vốn của Công ty mẹ tại Công ty con VND	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
<i>Công ty TNHH Tung Yang</i> Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.	14.279.485.000	14.279.485.000	11.409.385.000	80%	80%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà xưởng	10 – 25 năm
- Thiết bị sản xuất:	6 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	6 – 8 năm
- Phần mềm máy tính	5 năm

**04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

**06. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính:***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**

Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Công ty mẹ được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:**

***Đối với Văn phòng Công ty tại Khu Công nghiệp Biên Hoà II - tỉnh Đồng Nai:***

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty là 15% tính đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2045.

***Đối với Chi nhánh Công ty tại tỉnh Hải Dương:***

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh là 15% trong 12 năm tính đến hết ngày 10 tháng 6 năm 2013 và là 25% trên thu nhập chịu thuế kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2013 đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2045.

Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2006 là năm đầu tiên Chi nhánh có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% thuế TNDN trong 04 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm cuối Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

***Đối với Chi nhánh Công ty tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai:***

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2007) và trong các năm tiếp theo áp dụng theo quy định hiện hành.

Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

**Công ty con (Tung Yang) được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:**

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm là 10% áp dụng trong suốt thời gian thực hiện dự án.
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

### **14. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:**

- ***Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập theo các bước sau:***
- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Loại trừ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Tách lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Loại trừ số dư các khoản mục phải thu, phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

- Điều chỉnh các khoản đầu tư của Công ty mẹ và Công ty con vào Công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ.

***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập theo các bước sau:***

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Loại trừ doanh thu, giá vốn của hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, lãi đi vay và thu nhập từ cho vay giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, cổ tức đã phân chia và đã ghi nhận trong nội bộ Tập đoàn;
- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Xác định phần lãi hoặc lỗ của Công ty mẹ và Công ty con trong Công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ.

***Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo các bước sau:***

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Loại trừ dòng tiền nội bộ giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	401.455.280	712.089.744
- Tiền gửi ngân hàng	32.710.449.877	49.021.954.927
- Tiền đang chuyển	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>33.111.905.157</u></b>	<b><u>50.234.044.671</u></b>

**02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khác	6.193.104.715	5.221.116.979
<b>Cộng</b>	<b><u>6.193.104.715</u></b>	<b><u>5.221.116.979</u></b>

**03. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	3.880.000	100.827.600
- Nguyên liệu, vật liệu	90.167.576.041	46.660.259.744
- Công cụ, dụng cụ	444.006.068	1.527.499.998
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	64.181.261.213	49.741.407.466
- Thành phẩm	51.177.049.682	32.756.458.143
- Hàng hoá	292.464.420	243.929.879
- Hàng gửi đi bán	-	2.393.068.013
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>206.266.237.424</u></b>	<b><u>133.423.450.843</u></b>

**04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	8.299.600	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	51.741.212	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	8.652.612	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.216.171.698	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	10.417.335	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.295.282.457</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	<b>Tổng cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>114.498.388.000</b>	<b>342.071.574.824</b>	<b>9.129.967.852</b>	<b>3.883.997.866</b>	<b>469.583.928.542</b>
- Mua trong năm	-	3.498.258.247	1.473.900.000	29.862.000	5.002.020.247
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	7.134.654.365	-	-	-	7.134.654.365
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(90.909.091)	-	-	(90.909.091)
- Giảm khác	-	(640.973.534)	-	-	(640.973.534)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>121.633.042.365</b>	<b>344.837.950.446</b>	<b>10.603.867.852</b>	<b>3.913.859.866</b>	<b>480.988.720.529</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>29.223.980.623</b>	<b>193.487.036.711</b>	<b>4.363.335.229</b>	<b>3.470.387.096</b>	<b>230.544.739.659</b>
- Khấu hao trong năm	5.488.539.019	32.613.248.855	1.020.434.635	169.046.557	39.291.269.067
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(159.503.771)	-	-	(159.503.771)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.712.519.642</b>	<b>225.940.781.795</b>	<b>5.383.769.864</b>	<b>3.639.433.653</b>	<b>269.676.504.955</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>85.274.407.377</b>	<b>148.584.538.113</b>	<b>4.766.632.623</b>	<b>413.610.770</b>	<b>239.039.188.883</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>86.920.522.723</b>	<b>118.897.168.651</b>	<b>5.220.097.988</b>	<b>274.426.213</b>	<b>211.312.215.574</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	-	<b>182.279.299</b>	<b>182.279.299</b>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>182.279.299</b>	<b>182.279.299</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	-	<b>113.458.384</b>	<b>113.458.384</b>
- Khấu hao trong năm	-	37.126.680	37.126.680
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>150.585.064</b>	<b>150.585.064</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	-	<b>68.820.915</b>	<b>68.820.915</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	-	<b>31.694.235</b>	<b>31.694.235</b>

**07. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư Cổ phiếu	-	-
- Đầu tư Trái phiếu	-	102.400.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>102.400.000</b>

**08. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trước hoạt động (CN Nhơn Trạch)	-	858.250.145
- Giá trị còn lại của CCDC đã xuất dùng	4.705.296.927	8.781.757.347
- Chi phí san lấp mặt bằng	4.396.963.597	4.501.653.207
- Chi phí trả trước khác	-	14.941.613
<b>Cộng</b>	<b>9.102.260.524</b>	<b>14.156.602.312</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	272.176.205.456	276.141.053.729
+ Ngân hàng	272.176.205.456	276.141.053.729
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>272.176.205.456</b>	<b>276.141.053.729</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng	1.620.199.214	737.890.335
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.682.108	1.138.663.750
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.551.187.954
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	327.842.792
- Thuế thu nhập cá nhân	2.175.062.149	-
- Thuế tài nguyên	33.950.988	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	681.192.478
- Các loại thuế khác	609.834.038	-
<b>Cộng</b>	<b>4.440.728.497</b>	<b>10.436.777.309</b>

**11. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí lãi vay	1.947.795.517	255.667.748
- Trích trước chi phí khác	-	564.216.521
- Chi phí khác	229.505.124	-
<b>Cộng</b>	<b>2.177.300.641</b>	<b>819.884.269</b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Kinh phí công đoàn	1.471.781	4.853.350
- Bảo hiểm xã hội	116.005.096	25.035.579
- Bảo hiểm y tế	19.639.048	17.168.156
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.627.549	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.997.947.877	3.614.876.229
+ Cổ tức năm 2007	3.371.733.500	3.371.733.500
+ Cổ tức năm 2008	17.972.402.000	-
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	4.653.812.377	243.142.729
<b>Cộng</b>	<b>26.146.691.351</b>	<b>3.661.933.314</b>

**13. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vay dài hạn	1.769.947.602	5.512.258.507
+ Vay ngân hàng	1.769.947.602	5.512.258.507
- Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.769.947.602</b>	<b>5.512.258.507</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>8.580.104.274</b>	<b>2.119.632.715</b>	<b>2.119.632.715</b>	<b>(1.230.834.907)</b>	<b>223.588.534.797</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	73.857.920.497	73.857.920.497
Tăng khác	-	-	-	-	657.922.306	657.922.306
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>8.580.104.274</b>	<b>2.119.632.715</b>	<b>2.119.632.715</b>	<b>73.285.007.896</b>	<b>298.104.377.600</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>						
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	13.282.022.557	13.282.022.557
Phân phối lợi nhuận	31.799.460.000	7.328.500.790	3.664.250.395	3.664.250.395	(71.320.711.975)	(24.864.250.395)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>243.799.460.000</b>	<b>15.908.605.064</b>	<b>5.783.883.110</b>	<b>5.783.883.110</b>	<b>15.246.318.478</b>	<b>286.522.149.762</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	243.799.460.000	212.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>243.799.460.000</b>	<b>212.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	212.000.000.000	212.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	31.799.460.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	243.799.460.000	212.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	52.999.460.000	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.379.946	21.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.379.946	21.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.379.946	21.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.379.946	21.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.379.946	21.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	15.908.605.064	8.580.104.274
- Quỹ dự phòng tài chính	5.783.883.110	2.119.632.715
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.783.883.110	2.119.632.715
<b>Cộng</b>	<b>27.476.371.284</b>	<b>12.819.369.704</b>

**g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	13.282.022.557	73.857.920.497
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.282.022.557	73.857.920.497
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.379.946	21.200.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	545	3.484

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	<b>Báo cáo của Công ty con</b>	<b>Phần lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>Phần lợi ích của Công ty mẹ</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.279.485.000	2.870.100.000	11.409.385.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12.145.176.520)	(2.429.035.304)	(9.716.141.216)
<b>Cộng</b>	<b>2.134.308.480</b>	<b>441.064.696</b>	<b>1.693.243.784</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	718.081.093.280	799.704.721.814
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.357.391.923	22.750.217.840
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	4.915.193.909
<b>Cộng</b>	<b>732.438.485.203</b>	<b>827.370.133.563</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	157.066.616	724.562.943
<b>Cộng</b>	<b>157.066.616</b>	<b>724.562.943</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	717.924.026.664	803.895.352.780
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	14.357.391.923	22.750.217.840
<b>Cộng</b>	<b>732.281.418.587</b>	<b>826.645.570.620</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	569.247.002
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	616.820.030.494	671.878.835.183
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.872.867.745	4.288.916.652
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(6.994.775.747)
<b>Cộng</b>	<b>624.692.898.239</b>	<b>669.742.223.090</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.681.340.374	2.471.842.152
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	5.394.384	8.101.200
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	
- Lãi bán ngoại tệ	-	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.222.082.307	2.546.628.680
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.601.198.125	
- Lãi bán hàng trả chậm	-	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	
<b>Cộng</b>	<b><u>6.510.015.190</u></b>	<b><u>5.026.572.032</u></b>

**06. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	12.561.835.868	13.698.698.930
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.381.354.609	18.945.834.766
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	375.898.109	7.701.952.678
- Chi phí tài chính khác	4.400	472.448
<b>Cộng</b>	<b><u>35.319.092.986</u></b>	<b><u>40.346.958.822</u></b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.675.886.177	8.130.562.145
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>6.675.886.177</u></b>	<b><u>8.130.562.145</u></b>

**08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	559.853.213.933	554.677.218.037
- Chi phí nhân công	33.468.184.255	32.150.503.866
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.328.395.747	31.546.393.092
- Phí li xăng sử dụng nhãn hiệu	10.170.048.074	10.121.558.013
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.356.943.877	43.439.312.196
- Chi phí khác bằng tiền	41.178.461.197	35.361.634.319
<b>Cộng</b>	<b><u>700.355.247.082</u></b>	<b><u>707.296.619.523</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**  
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

1.1. Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bloomy International L.L.C	Ông Liu Cheng Min là người đại diện theo pháp luật của Bloomy International L.L.C đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Rich International L.L.C (Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang).

1.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Bloomy International L.L.C (*)	Phí sử dụng nhãn hiệu	10.170.048.074

(\*): Theo hợp đồng li xăng nhãn hiệu ngày 09/3/2005 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang và Bloomy International L.L.C, Bloomy International L.L.C giao cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang độc quyền sử dụng các nhãn hiệu “TK-Tung Kuang” tại Việt Nam.

1.3. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Bloomy International L.L.C	Phải trả người bán (phí li xăng)	13.993.364.971

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**Kế toán trưởng**

*Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2011*  
**Tổng Giám đốc**

**Liu Chien Hung**

**Tsan Hsun Lin**